|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**Dự thảo 2**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều củ Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 và* *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Chương IV Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp và hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia (sau đây viết tắt là vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này, bao gồm:

a) Trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; phân hiệu trường cao đẳng, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam;

b) Cơ sở giáo dục đại học chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực nghệ thuật đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định của Chính phủ (sau đây viết tắt là cơ sở giáo dục đại học);

c) Doanh nghiệp hoạt động giáo dục nghề nghiệp (sau đây viết tắt là doanh nghiệp);

d) Trường cao đẳng sư phạm, trường trung cấp sư phạm có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp các ngành, nghề đào tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

đ) Trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; trung tâm dịch vụ việc làm;

g) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

h) Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia;

i) Cơ sở được giao thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm;

k) Cơ sở được giao tổ chức bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp;

l) Chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện hành vi vi phạm hành chính về giáo dục nghề nghiệp, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia không thuộc phạm vi, thời hạn được doanh nghiệp ủy quyền và không theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của tổ chức (pháp nhân);

m) Tổ chức hoạt động kinh doanh tư vấn du học, hoạt động đưa công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật thuộc các trình độ đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp (trừ các trường cao đẳng sư phạm);

n) Tổ chức khác có tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, liên kết đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp;

3. Cá nhân là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị này tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật thuộc các trình độ đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp.

4. Người có thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính và cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

5. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ và hành vi vi phạm đó thuộc công vụ, nhiệm vụ được giao theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, thì không bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này mà bị xử lý theo quy định của pháp luật liên quan.

Cơ quan nhà nước thực hiện hành vi vi phạm thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, thì không bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này mà bị xử lý theo quy định của pháp luật liên quan.

**Điều 3. Mức độ của hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và mức tiền phạt trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp**

1. Mức độ của hành vi vi phạm được xác định như sau:

a) Vi phạm không nghiêm trọng là hành vi vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân quy định khoản 2 Điều 2 Nghị định này có tính chất, mức độ tác hại, tác động nhỏ trong phạm vi nội bộ của tổ chức đó mà hình thức xử phạt là cảnh cáo hoặc mức phạt tiền quy định tại Nghị định này từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng;

b) Vi phạm gây hậu quả ít nghiêm trọng là hành vi vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân quy định khoản 2 Điều 2 Nghị định này có tính chất, mức độ tác hại, tác động không lớn trong phạm vi nội bộ của tổ chức đó mà mức xử phạt tiền quy định tại Nghị định này từ 3.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng;

c) Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng là hành vi vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân quy định khoản 2 Điều 2 Nghị định này có tính chất, mức độ tác hại, tác động lớn trong và ngoài phạm vi của tổ chức đó, gây dư luận xấu trong xã hội mà mức xử phạt tiền quy định tại Nghị định này từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng và áp dụng biện pháp xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động hoặc tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn theo quy định;

d) Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng là hành vi vi phạm hành chính do lỗi cố ý của tổ chức, cá nhân quy định khoản 2 Điều 2 Nghị định này có tính chất, mức độ tác hại, tác động rất lớn trong và ngoài phạm vi của tổ chức đó, gây dư luận rất bức xúc trong xã hội mà mức xử phạt tiền quy định tại Nghị định này từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng và áp dụng biện pháp xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động hoặc tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn theo quy định;

đ) Vi phạm gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là hành vi vi phạm hành chính do lỗi cố ý của tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 Nghị định này có tính chất, mức độ tác hại đặc biệt lớn trong và ngoài phạm vi của tổ chức đó, có nhiều tình tiết phức tạp, liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân, gây dư luận đặc biệt bức xúc trong xã hội, ảnh hưởng rất lớn đến uy tín, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp mà mức xử phạt tiền quy định tại Nghị định này từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng và áp dụng biện pháp xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc thu hồi giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định.

2. Hình thức xử phạt chính:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

b) Trục xuất;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

đ) Thu hồi giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

4. Mức phạt tiền trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp:

a) Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đối với cá nhân là 75.000.000 đồng, đối với tổ chức là 150.000.000 đồng;

b) Mức phạt tiền quy định tại Chương II của Nghị định này được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức, trừ quy định tại khoản 4 Điều 10, khoản 1 và khoản 2 Điều 15, Điều 21, khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 27, điểm b khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 34, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 của Nghị định này là mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Cùng một hành vi vi phạm hành chính, mức phạt tiền đối với cá nhân bằng một phần hai mức phạt tiền đối với tổ chức;

c) Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân; đối với tổ chức gấp hai lần thẩm quyền xử phạt tiền đối với cá nhân.

5. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần.

a) Nhiều tổ chức hoặc nhiều cá nhân cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi tổ chức hoặc cá nhân vi phạm đều bị xử phạt về hành vi vi phạm hành chính đó;

b) Một tổ chức hoặc một cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm.

**Điều 4. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính**

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp là 01 năm.

2. Thời điểm tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời hiệu được tính từ ngày chấm dứt hành vi vi phạm;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này thì thời hiệu được tính từ ngày người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm;

c) Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân do người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính chuyển đến thì thời hiệu xử phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này và điểm a, b khoản này tính đến thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Các hành vi vi phạm được xác định là đã kết thúc và thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm như sau:

a) Hành vi vi phạm quy định về quản lý hồ sơ người học; hành vi vi phạm quy định về kỷ luật người học, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học; hành vi vi phạm quy định về chính sách đối với người học; hành vi vi phạm quy định về mua sắm, tiếp nhận, sử dụng chương trình, giáo trình, tài liệu, học liệu, bài giảng, thiết bị dạy học, vận động tài trợ, thu chi tài chính được xác định thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm khi tổ chức, cá nhân khôi phục lại tình trạng ban đầu;

b) Hành vi không bảo đảm một trong các điều kiện tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp, hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sơ giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; hành vi vi phạm quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; hành vi vi phạm quy định về đánh giá kỹ năng nghề quốc gia được xác định thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm khi tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ các điều kiện theo quy định;

c) Hành vi gian lận để tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp các ngành, nghề đào tạo tại các địa điểm đào tạo không được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được xác định thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm khi tổ chức, cá nhân chấm dứt hoạt động giáo dục nghề nghiệp đó;

d) Hành vi vi phạm về công tác tuyển sinh được xác định thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm khi kết thúc thời gian tuyển sinh của năm tuyển sinh đó theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

đ) Hành vi vi phạm quy định về thời lượng, nội dung, chương trình đào tạo; vi phạm quy định về đào tạo liên thông, liên kết đào tạo; hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài; hành vi vi phạm quy định về tổ chức đào tạo, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, xét công nhận tốt nghiệp của người học được xác định thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm khi kết thúc khóa học đó, người học được công nhận tốt nghiệp;

e) Hành vi vi phạm về không ban hành các quy định, quy chế về quản lý, in ấn, cấp phát văn bằng, chứng chỉ, tuyển sinh, đào tạo, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, đào tạo liên thông, liên kết đào tạo, quy chế tổ chức hoạt động, quy chế công tác học sinh, sinh viên được xác định thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm khi tổ chức, cá nhân khắc phục xong theo đúng quy định pháp luật;

g) Hành vi vi phạm quy định điều kiện bảo đảm về diện tích đất sử dụng tối thiểu, cơ sở vật chất, thiết bị, dụng cụ đào tạo; vi phạm quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia được xác định thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm khi tổ chức, cá nhân bổ sung đủ các điều kiện theo quy định;

h) Hành vi vi phạm quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp được xác định thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm khi tổ chức được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

4. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp quy định tại Nghị định này mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này được xác định là hành vi vi phạm đang được thực hiện.

**Điều 5. Biện pháp khắc phục hậu quả**

1. Các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, e và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Buộc thu hồi quyết định thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giấy phép hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

3. Buộc thu hồi văn bằng, chứng chỉ.

4. Buộc nộp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài; giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

5. Buộc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận đã cấp nhưng không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật.

6. Buộc ban hành văn bản theo đúng thẩm quyền, đúng nội dung quy định.

7. Buộc hủy bỏ chương trình, giáo trình, bài giảng, tài liệu, học liệu giảng dạy.

8. Buộc xây dựng lại chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy.

9. Buộc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, thông báo tuyển sinh.

10. Buộc chuyển người học về địa điểm đào tạo đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

11. Buộc trả lại số tiền đã thu và chịu chi phí tổ chức trả lại.

12. Buộc xây dựng tiến độ đào tạo, kế hoạch đào tạo, kế hoạch giáo viên, giảng viên và sử dụng biểu mẫu, sổ sách quản lý dạy và học.

13. Buộc dạy đủ số giờ học còn thiếu, khối lượng kiến thức tối thiểu, khối lượng học tập.

14. Buộc tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá lại kết quả học tập, xét công nhận tốt nghiệp của người học.

15. Buộc hủy bỏ kết quả học tập, kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, xét công nhận tốt nghiệp của người học.

16. Buộc khôi phục quyền lợi cho người học.

17. Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí cho người học nếu không chuyển được.

18. Buộc trả lại hồ sơ, giấy tờ của người học.

19. Buộc giảm quy mô tuyển sinh/năm của năm sau tối thiểu bằng số lượng đã tuyển sinh vượt chỉ tiêu.

20. Buộc hủy bỏ phôi văn bằng, chứng chỉ.

21. Buộc hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ.

22. Buộc thực hiện công khai theo quy định.

23. Buộc hủy bỏ kết quả công nhận đánh giá hoặc kết quả kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

24. Buộc nộp lại và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy tờ, văn bản đã cấp.

25. Buộc xin lỗi công khai người học bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể, trừ trường hợp người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể hoặc người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên có yêu cầu không xin lỗi công khai.

26. Buộc bố trí đúng số lượng học viên, học sinh, sinh viên trong một lớp học.

27. Buộc cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin liên quan đến chương trình liên kết đào tạo giáo dục nghề nghiệp với nước ngoài.

28. Buộc thực hiện đúng, đầy đủ việc giao kết hợp đồng liên kết đào tạo.

29. Buộc đánh giá, xếp loại kết quả học tập đúng thực tế của người học.

30. Buộc cấp bản chính, bản sao văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp.

31. Buộc hủy bỏ quyết định kỷ luật người học.

32. Buộc bố trí giáo viên, giảng viên đúng tỷ lệ quy định.

33. Buộc bố trí, sử dụng giáo viên, giảng viên đủ tiêu chuẩn để giảng dạy.

34. Buộc thực hiện đúng quy định về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; đánh giá, xếp loại; bố trí thực tập tại doanh nghiệp cho giáo viên, giảng viên.

35. Buộc khắc phục thiệt hại về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo.

36. Buộc bổ sung đầy đủ điều kiện về đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo.

37. Buộc tiêu hủy bộ sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học có nội dung phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, chủ quyền biên giới, biển và đảo, lợi ích cộng đồng và hòa bình, an ninh thế giới; xuyên tạc chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xuyên tạc lịch sử; kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược; ảnh hưởng xấu đến văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục; truyền bá mê tín, truyền bá tôn giáo, hủ tục, tệ nạn xã hội nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

38. Buộc nộp lại thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp; thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia.

39. Buộc nộp lại giấy phép hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

40. Buộc nộp lại giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

41. Buộc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

42. Buộc báo cáo đầy đủ, chính xác nội dung báo cáo kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

43. Buộc cải chính trên phương tiện thông tin đại chúng.

44. Buộc tiêu hủy giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

45. Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá kỹ năng nghề quốc gia.

46. Thu hồi quyết định giao thực hiện việc bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

**Chương II**

**HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Mục 1**

**CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THÀNH LẬP, CHO PHÉP THÀNH LẬP; SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH, GIẢI THỂ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC, CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM, PHÂN HIỆU TRƯỜNG CAO ĐẲNG, TRƯỜNG TRUNG CẤP; ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP; BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM; BỒI DƯỠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 6. Vi phạm quy định về thành lập, cho phép thành lập; sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; phân hiệu trường cao đẳng, trường trung cấp; bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sử dụng sai tên gọi cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quyết định thành lập, cho phép thành lập, quyết định đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam để tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi làm mất hoặc không nộp lại quyết định thành lập, cho phép thành lập, quyết định sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giấy phép hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam theo quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung một trong các loại văn bản sau:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập; quyết định sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; quyết định giao thực hiện việc bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; quyết định giao nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp;

b) Quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu trường cao đẳng, trường trung cấp; giấy phép hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

4. Phạt tiền đối với hành vi thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phân hiệu trường cao đẳng, trường trung cấp; trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo các mức phạt sau:

a) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên;

b) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với trường trung cấp, phân hiệu trường trung cấp;

c) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường cao đẳng, phân hiệu trường cao đẳng.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi gian lận hồ sơ để được giao nhiệm vụ thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, tổ chức bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp nhưng chưa đến mức độ truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tịch thu tang vật là quyết định thành lập, cho phép thành lập, quyết định sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phân hiệu trường cao đẳng, trường trung cấp, giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam, quyết định giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, quyết định giao nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Trục xuất người nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

d) Thu hồi

7. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này vào ngân sách nhà nước;

b) Buộc thu hồi quyết định thành lập, cho phép thành lập, quyết định sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, quyết định giao nhiệm vụ thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, quyết định giao nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp, quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu trường cao đẳng, trường trung cấp, giấy phép hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này;

c) Buộc hoàn trả cho tổ chức, cá nhân các khoản tiền đã thu; trường hợp không xác định được tổ chức, cá nhân để hoàn trả thì nộp vào ngân sách nhà nước đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

d) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên khác đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được người học sang cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên khác đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

đ) Buộc thu hồi văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp đã cấp cho người học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

**Điều 7. Vi phạm quy định về đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tự chủ tuyển sinh, liên kết đào tạo với nước ngoài**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm sau:

a) Làm mất giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài không thuộc trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật;

b) Không nộp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài theo quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi gian lận hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp thuộc các trường hợp sau:

a) Bổ sung ngành, nghề, trình độ đào tạo mới;

b) Vượt quá tổng quy mô tuyển sinh/năm của các ngành, nghề trong cùng nhóm ngành nghề được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

c) Chia, tách, sáp nhập trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp;

d) Thành lập phân hiệu có tổ chức hoạt động đào tạo hoặc bổ sung địa điểm đào tạo ngoài địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

đ) Chuyển trụ sở chính hoặc phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo đến nơi khác, mà phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo là nơi trực tiếp tổ chức đào tạo;

e) Đổi tên doanh nghiệp.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi được giao tự chủ quyết định liên kết đào tạo với nước ngoài nhưng không thực hiện báo cáo điều kiện bảo đảm tự chủ hoạt động giáo dục nghề nghiệp với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh, tổ chức đào tạo khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

7. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Buộc nộp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này vào ngân sách nhà nước;

d) Buộc thu hồi, tiêu hủy giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này;

đ) Buộc chuyển người học về địa điểm đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; buộc thu hồi, hủy bỏ kết quả kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp đã cấp cho người học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

e) Buộc đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;

g) Buộc hoàn trả cho người học các khoản đã thu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 7 Điều này; trường hợp không xác định được người học để hoàn trả thì nộp vào ngân sách nhà nước.

**Điều 8. Vi phạm quy định về tổ chức quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không đề nghị thành lập hội đồng trường, hội đồng quản trị của trường cao đẳng, trường trung cấp.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Công khai không đầy đủ các nội dung theo quy định về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác liên quan;

b) Thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng chế độ thông tin, báo cáo;

c) Lập báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất có nội dung không chính xác hoặc không thực hiện báo cáo;

d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng trách nhiệm giải trình;

đ) Không thực hiện báo cáo định kỳ về đào tạo dưới 03 tháng theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Ban hành không đầy đủ văn bản thuộc trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

b) Ban hành nhưng không chính xác, không đầy đủ các nội dung trong văn bản thuộc trách nhiệm ban hành của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

c) Không thực hiện công khai hoặc công khai không chính xác nội dung trong văn bản thuộc trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

d) Không thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định;

đ) Không gửi thông báo, quyết định đến cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi ban hành văn bản trái thẩm quyền hoặc văn bản có nội dung trái pháp luật.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng trường, Hội đồng quản trị trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc ban hành và thực hiện công khai đầy đủ, chính xác các văn bản thuộc trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2, điểm c khoản 3 Điều này;

c) Buộc cải chính thông tin không chính xác đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

d) Buộc ban hành đầy đủ văn bản đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

đ) Buộc thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;

e) Buộc gửi thông báo, quyết định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này;

g) Buộc hủy bỏ văn bản đã ban hành không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

**Mục 2**

**CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG TUYỂN SINH**

**Điều 9. Vi phạm quy định về tổ chức tuyển sinh**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thông báo tuyển sinh không đúng hoặc không đầy đủ, không chính xác thông tin ghi trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài hoặc trong quy chế tuyển sinh;

b) Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp không đủ thời gian hoặc không đúng thời gian đào tạo trong chương trình đào tạo do Hiệu trưởng Nhà trường quyết định ban hành;

c) Thông báo tuyển sinh không đúng đối tượng tuyển sinh trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và trình độ sơ cấp;

d) Thông báo tuyển sinh nhưng không đủ điều kiện để tổ chức đào tạo;

đ) Thông báo tuyển sinh bằng bất cứ hình thức nào khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện đúng quy trình tuyển sinh;

b) Thu nhận hồ sơ tuyển sinh, tổ chức thi hoặc xét tuyển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài hoặc khi chưa thực hiện báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyển về các điều kiện bảo đảm tự chủ quyết định liên kết đào tạo với nước ngoài.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào đối với ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng có quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện tuyển sinh các ngành, nghề đào tạo nhưng không bảo đảm điều kiện tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo theo quy định.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Trục xuất người nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn từ 03 đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi thông báo tuyển sinh đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Buộc công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Buộc hủy bỏ kết quả trúng tuyển hoặc quyết định thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ đã cấp đối với hành vi vi phạm quy định khoản 2 Điều này;

đ) Buộc hoàn trả cho người học các khoản tiền đã thu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này; trường hợp không xác định được người học để hoàn trả thì nộp vào ngân sách nhà nước;

e) Buộc thông báo công khai việc dừng tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của cơ sở vi phạm và trên phương tiện thông tin đại chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều này;

g) Buộc bảo đảm các điều kiện tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

**Điều 10. Vi phạm quy định về đối tượng tuyển sinh, hồ sơ tuyển sinh**

1. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh sai đối tượng học trình độ sơ cấp theo các mức phạt sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai dưới 10 người học;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai từ 10 đến dưới 35 người học;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai từ 35 người học trở lên.

2. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh sai đối tượng học trình độ trung cấp theo các mức phạt sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai dưới 10 người học;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai từ 10 đến dưới 35 người học;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai từ 35 người học trở lên.

3. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh sai đối tượng học trình độ cao đẳng theo các mức phạt sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai dưới 10 người học;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai từ 10 đến dưới 35 người học;

c) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai từ 35 người học trở lên.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa giấy tờ trong hồ sơ tuyển sinh để được trúng tuyển các trình độ giáo dục nghề nghiệp nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động tuyển sinh từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ quyết định trúng tuyển; buộc trả lại cho người học số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này nếu hành vi vi phạm có lỗi của cả đối tượng thực hiện hành vi vi phạm và người học;

b) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp khác được cấp giấy chứng nhận đăng ký giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này nếu người học không có lỗi;

c) Buộc thu hồi, hủy bỏ kết quả học tập, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, văn bằng, chứng chỉ đã cấp cho người học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Buộc nộp lại và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ kết quả trúng tuyển; buộc hoàn trả các khoản hỗ trợ được hưởng từ ngân sách nhà nước đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

**Mục 3**

**HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH ĐÀO TẠO, CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP; QUY MÔ LỚP HỌC; LIÊN THÔNG, LIÊN KẾT ĐÀO TẠO**

**Điều 11. Vi phạm quy định về thời lượng, nội dung đào tạo**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức giảng dạy theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu, kế hoạch giảng dạy, sổ giáo án.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi không dạy đủ số giờ học hoặc khối lượng học tập của các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo theo các mức phạt sau:

a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi vi phạm dưới 05% số giờ học;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 05% đến dưới 10% số giờ học;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 10% đến dưới 15% số giờ học;

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 15% đến dưới 20% số giờ học;

e) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 20% số giờ học trở lên.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức cho người học bảo vệ khóa luận tốt nghiệp không đủ điều kiện theo quy định.

4. Phạt tiền đối với hành vi không sử dụng đúng chương trình đào tạo đã đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp với cơ quan có thẩm quyền để tổ chức giảng dạy cho người học khóa đầu tiên của ngành, nghề đó theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với chương trình đào tạo trình độ sơ cấp;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với chương trình đào tạo trình độ trung cấp;

c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động tuyển sinh từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc dạy đủ số tiết, khối lượng học tập, kiến thức tối thiểu của các môn học hoặc mô-đun trong chương trình đào tạo đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ kết quả kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô đun đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 2 Điều này;

d) Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá khoá luận tốt nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

đ) Buộc hủy bỏ kết quả kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và thu hồi văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp đã cấp; buộc sử dụng đúng chương trình đào tạo đã đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp với cơ quan có thẩm quyền để giảng dạy cho người học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

**Điều 12. Vi phạm quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành, cập nhật chương trình, giáo trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không cập nhật chương trình đào tạo theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy trình tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình, giáo trình đào tạo theo quy định.

3. Phạt tiền đối với hành vi xây dựng, ban hành chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp không đúng với mục tiêu, cấu trúc, nội dung, không bảo đảm khối lượng kiến thức tối thiểu theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với chương trình đào tạo dưới 03 tháng, đào tạo thường xuyên;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp cho nhà giáo dạy trình độ sơ cấp;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với chương trình đào tạo trình độ trung cấp, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp cho nhà giáo dạy trình độ trung cấp;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp cho nhà giáo dạy trình độ cao đẳng.

4. Phạt tiền đối với hành vi không xây dựng, ban hành chương trình, giáo trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với chương trình, giáo trình đào tạo dưới 03 tháng, đào tạo thường xuyên;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với chương trình, giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp cho nhà giáo dạy trình độ sơ cấp;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với chương trình, giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp cho nhà giáo dạy trình độ trung cấp;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp cho nhà giáo dạy trình độ cao đẳng.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không có đủ chương trình, giáo trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xây dựng, thẩm định, ban hành, cập nhật chương trình, giáo trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này;

b) Buộc giảng dạy bổ sung đủ khối lượng kiến thức tối thiểu còn thiếu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

**Điều 13.** **Vi phạm quy định về quy mô lớp học**

1. Phạt tiền đối với hành vi bố trí số lượng người học vượt quá quy mô lớp học theo quy định theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng khi vượt quá quy mô lớp học dưới 15%;

b) Phạt tiền 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng khi vượt quá quy mô lớp học từ 15% đến dưới 30%;

c) Phạt tiền 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi vượt quá quy mô lớp học từ 30% trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện bố trí số lượng người học bảo đảm quy mô lớp học theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 14. Vi phạm quy định về đào tạo liên thông, liên kết đào tạo**

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về đào tạo liên thông theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành quy định về tuyển sinh, đào tạo liên thông hoặc hoặc ban hành nhưng không bảo đảm nội dung theo quy định;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi ban hành quyết định tuyển sinh đào tạo liên thông; không công khai hoặc công khai không đầy đủ các nội dung về đào tạo liên thông trên trang thông tin điện tử của trường trung cấp, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đào tạo liên thông không đủ các điều kiện.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về liên kết đào tạo theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi ký hợp đồng liên kết đào tạo không đầy đủ nội dung thỏa thuận về mức thu lệ phí tuyển sinh, học phí, thù lao cho người học trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo tình hình liên kết đào tạo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo hoặc liên kết đào tạo với đơn vị phối hợp liên kết đào tạo không đúng quy định;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi liên kết đào tạo;

đ) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi liên kết đào tạo khi không bảo đảm các điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

đ) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi đơn vị phối hợp liên kết đào tạo tham gia giảng dạy vượt quá 40% khối lượng chương trình đào tạo;

e) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi đơn vị chủ trì liên kết đào tạo tổ chức giảng dạy dưới 60% khối lượng chương trình đào tạo.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, điểm d, điểm đ và điểm e khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc ban hành quy định về tuyển sinh, đào tạo liên thông theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đào tạo liên thông và công khai đầy đủ, chính xác các nội dung về đào tạo liên thông trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo liên thông đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động liên kết đào tạo đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

d) Buộc thực hiện đúng, đầy đủ việc giao kết hợp đồng liên kết đào tạo đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

đ) Buộc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động liên kết đào tạo đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

e) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, hoàn trả cho người học các khoản tiền đã thu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều này; trường hợp không xác định được người học để hoàn trả thì nộp vào ngân sách nhà nước và chịu mọi chi phí hoàn trả.

**Mục 4**

**HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA, THI, ĐÁNH GIÁ**

**KẾT QUẢ HỌC TẬP, SỔ SÁCH ĐÀO TẠO**

**Điều 15. Vi phạm quy định về thi**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi gây rối hoặc đe dọa dùng vũ lực ngăn cản người dự thi và người tổ chức thi, thanh tra thi, coi thi, chấm thi, phục vụ thi.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về tổ chức thi, chấm thi theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vào khu vực tổ chức thi, chấm thi khi không được phép; mang tài liệu, thông tin, vật dụng, thiết bị không được phép vào phòng thi, khu vực chấm thi;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi làm bài hộ thí sinh hoặc trợ giúp thí sinh làm bài;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm hoặc sửa chữa nội dung bài thi hoặc sửa điểm bài thi trái quy định nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đánh tráo bài thi nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức chấm thi sai quy định nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thi thay hoặc thi kèm người khác hoặc nhờ người khác làm bài hộ hoặc thi thay, thi kèm.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi làm mất bài thi của thí sinh.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật đã sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ kết quả thi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm e khoản 2 Điều này;

c) Buộc bảo đảm quyền lợi của thí sinh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 và khoản 3 Điều này.

**Điều 16. Vi phạm quy định về tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, xét công nhận tốt nghiệp**

1. Phạt tiền đối với hành vi tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học không đúng quy định theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 01 đến dưới 05 người học;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 05 đến dưới 10 người học;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 10 người học trở lên.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xét công nhận tốt nghiệp cho người học khi chưa đủ điều kiện tốt nghiệp.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tổ chức kiểm tra, đánh giá lại kết quả học tập của người học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Buộc hủy bỏ kết quả xét công nhận tốt nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 17. Vi phạm quy định về biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi ghi chép không đủ nội dung biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo theo các mức phạt sau:

a) Phạt cảnh cáo đối với biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo dưới 03 tháng;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo trình độ sơ cấp;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo trình độ trung cấp;

d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Phạt tiền đối với hành vi không ghi chép biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo dưới 03 tháng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo trình độ sơ cấp;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo trình độ trung cấp;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo trình độ cao đẳng.

3. Phạt tiền đối với hành vi không sử dụng đủ biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo dưới 03 tháng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo trình độ sơ cấp;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo trình độ trung cấp;

d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo trình độ cao đẳng.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng không bảo đảm nội dung tiến độ đào tạo, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, sổ lên lớp, sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp, sổ quản lý học sinh, sinh viên.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng tiến độ đào tạo, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, sổ lên lớp, sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp, sổ quản lý học sinh, sinh viên.

5. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý hồ sơ, tài liệu đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại trụ sở chính hoặc địa điểm đào tạo khác của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lưu trữ hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất đến thời điểm khóa học kết thúc;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không lưu trữ hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất 01 năm kể từ ngày hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không lưu trữ hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất 05 năm kể từ ngày hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không lưu trữ hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất 10 năm kể từ ngày hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp;

đ) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không lưu trữ hồ sơ, tài liệu lưu trữ vĩnh viễn.

6. Phạt tiền đối với hành vi tiêu hủy sổ sách, biểu mẫu quản lý đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp không đúng quy định nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tiêu hủy hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất đến thời điểm khóa học kết thúc;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tiêu hủy hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất 01 năm kể từ ngày hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tiêu hủy hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất 05 năm kể từ ngày hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tiêu hủy hồ sơ, tài liệu lưu trữ vĩnh viễn.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập hội đồng tiêu hủy, không ban hành quyết định hủy tài liệu, không lập biên bản tiêu hủy và các hồ sơ khác liên quan đến việc tiêu hủy sổ sách, biểu mẫu quản lý đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và trình độ sơ cấp.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc ghi chép đầy đủ nội dung trong biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc xây dựng đầy đủ biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;

c) Buộc hủy bỏ kết quả học tập, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều này;

d) Buộc lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

đ) Buộc khôi phục biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

**Mục 5**

**CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ, HOẠT ĐỘNG ĐƯA CÔNG DÂN VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP, GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ TRAO ĐỔI HỌC THUẬT CÁC TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**

**TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 18. Vi phạm quy định về hoạt động của văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam**

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục hoạt động khi đã hết thời hạn quy định trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động khi chưa được cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Gian lận hồ sơ để được cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam nhưng chưa đến mức độ truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Hoạt động không đúng nội dung quy định trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

b) Trục xuất người nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản điểm a khoản 3 Điều này;

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.

**Điều 19. Vi phạm quy định về hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài**

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh không đúng đối tượng học các chương trình liên kết đào tạo.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức giảng dạy chương trình liên kết đào tạo không đúng nội dung đăng ký với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Gian lận hồ sơ để được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài;

b) Tiếp tục hoạt động liên kết đào tạo khi hết thời hạn quy định trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi được được giao tự chủ quyết định liên kết đào tạo với nước ngoài nhưng không thực hiện báo cáo điều kiện bảo đảm tự chủ hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc sử dụng chương trình liên kết đào tạo đăng ký với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo để giảng dạy cho người học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, hoàn trả cho người học các khoản đã thu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này; trường hợp không xác định được người học để hoàn trả thì nộp vào ngân sách nhà nước.

c) Buộc nộp lại và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

d) Buộc báo cáo các điều kiện bảo đảm tự chủ quyết định liên kết đào tạo với nước ngoài với cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

**Điều 20. Vi phạm quy định hoạt động kinh doanh tư vấn du học các trình độ đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học đối với một trong các hành vi sau:

a) Tư vấn không trung thực, chính xác về các điều kiện liên quan đến tình trạng kiểm định chất lượng của chương trình giáo dục và cơ sở giáo dục nước ngoài; học phí và sinh hoạt phí dự kiến và các loại phí liên quan; điều kiện sinh sống, chính sách làm thêm giờ theo quy định của nước tiếp nhận du học sinh; những khó khăn, rủi ro và bất trắc có thể gặp phải trong quá trình du học;

b) Không thực hiện niêm yết công khai thông tin tại trụ sở và tại trang thông tin điện tử của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học về các nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn du học theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Không thực hiện chế độ báo cáo về việc tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập; báo cáo hoạt động tư vấn du học theo quy định của pháp luật hiện hành;

d) Không thực hiện lưu trữ hồ sơ gửi công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập theo quy định;

đ) Sử dụng nhân viên tư vấn du học không có chứng chỉ nghiệp vụ tư vấn du học theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không ký hợp đồng tư vấn du học với người có nhu cầu đi du học hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp hoặc ký hợp đồng không bảo đảm nội dung, nguyên tắc theo quy định;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học đối với người học đã được tư vấn và đưa ra nước ngoài học tập.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Ủy quyền, cho thuê, cho mượn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học;

b) Nhận ủy quyền của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học khác để triển khai kinh doanh dịch vụ tư vấn du học cho người có nhu cầu đi du học ở nước ngoài.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trong thời gian bị đình chỉ dịch vụ tư vấn du học.

5. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.

6. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh tư vấn du học từ 03 đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này;

b) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc chỉnh sửa thông tin tư vấn không trung thực, chính xác đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc công khai các nội dung thông tin theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc thực hiện đầy đủ báo cáo đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

c) Buộc lưu trữ đầy đủ hồ sơ theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

**Điều 21. Vi phạm quy định về hoạt động đưa công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật các trình độ đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi khai man, sửa chữa giấy tờ trong hồ sơ ra nước ngoài để học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng việc đi giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật để thực hiện mục đích đi lao động hoặc ở lại nước ngoài trái phép theo quy định hiện hành.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trong thời gian đào tạo, không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi quyết định cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Buộc về nước đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Buộc bồi hoàn các khoản kinh phí đã được hưởng theo quy định của pháp luật hiện hành đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

**Mục 6**

**HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, CẤP VÀ SỬ DỤNG**

**VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM, CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 22. Vi phạm quy định về quản lý và cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không phê duyệt mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ;

b) Không báo cáo mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Không ban hành hoặc ban hành không đúng hoặc không đầy đủ nội dung về quy trình in, quản lý, sử dụng, cấp phát văn bằng, chứng chỉ;

d) Không đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng chống cháy nổ để bảo quản văn bằng, chứng chỉ và hồ sơ cấp, phát văn bằng, chứng chỉ;

đ) Ban hành quyết định chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ không đúng trình tự, thủ tục, nội dung, thẩm quyền và thời hạn;

e) Không thực hiện cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật hiện hành;

g) Không lập hoặc lập hồ sơ không đầy đủ, không chính xác thông tin quản lý việc in, cấp, sử dụng, thu hồi, hủy bỏ phôi văn bằng, chứng chỉ;

h) Không quy định việc lập số hiệu, các ký hiệu nhận dạng phôi văn bằng, chứng chỉ để phục vụ việc bảo mật, nhận dạng và chống làm giả phôi văn bằng, chứng chỉ;

i) In phôi văn bằng, chứng chỉ có nội dung không đúng quy định;

k) Thực hiện việc hủy phôi văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ không đúng thời hạn;

b) Thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ của người học không đúng quy định;

c) Không lập hoặc lập hồ sơ không đầy đủ, không chính xác thông tin cấp phát, quản lý văn bằng, chứng chỉ.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi gian lận để được cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý văn bằng, chứng chỉ.

5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không cập nhật dữ liệu văn bằng, chứng chỉ đã cấp cho người học trên trang thông tin tra cứu văn bằng, chứng chỉ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cấp văn bằng, chứng chỉ không đúng mẫu quy định;

b) Cấp văn bằng, chứng chỉ không đúng thẩm quyền theo quy định.

7. Phạt tiền đối với hành vi cấp văn bằng, chứng chỉ không đúng tên ngành, nghề; ngành, nghề không được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài; cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học không đủ điều kiện tốt nghiệp; không bảo đảm điều kiện tự chủ quyết định mở ngành, nghề theo quy định của pháp luật hiện hành theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm dưới 10 người học;

b) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 10 người đến dưới 20 người học;

c) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 20 người đến dưới 30 người học;

d) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 30 người đến dưới 40 người học;

đ) Phạt tiền 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 40 người học trở lên.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và điểm a khoản 7 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6, điểm c, điểm d và điểm đ khoản 7 Điều này;

d) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 7 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phê duyệt mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ và báo cáo mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ với cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này;

b) Buộc bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng chống cháy nổ để bảo quản văn bằng, chứng chỉ và hồ sơ cấp, phát văn bằng, chứng chỉ đối với hành vi vi phạm tại điểm c khoản 1 Điều này;

c) Buộc hủy bỏ phôi văn bằng, chứng chỉ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều này;

d) Buộc hủy bỏ văn bản có nội dung trái pháp luật; hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ được cấp không đúng quy định của pháp luật hiện hành về trình tự, thủ tục, nội dung, thời hạn hoặc thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này;

đ) Buộc đính chính thông tin về việc thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ của người học không đúng quy định; chịu mọi chi phí cấp lại văn bằng, chứng chỉ cho người học đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

e) Buộc lập hồ sơ cấp phát, quản lý văn bằng, chứng chỉ đầy đủ, chính xác thông tin đối với hành vi vi phạm tại điểm c khoản 2 Điều này;

g) Buộc thu hồi, tiêu hủy văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ đã cấp đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 6, khoản 7 Điều này;

h) Buộc xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý văn bằng, chứng chỉ và cập nhật dữ liệu văn bằng, chứng chứng chỉ đã cấp cho người học trên trang thông tin tra cứu văn bằng, chứng chỉ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

**Điều 23. Vi phạm quy định về sử dụng và công khai thông tin cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ của người khác hoặc cho người khác sử dụng văn bằng, chứng chỉ của mình;

b) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi công khai không đầy đủ hoặc không chính xác thông tin về việc cấp văn bằng, chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật là văn bằng, chứng chỉ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện công khai đầy đủ, chính xác thông tin về việc cấp văn bằng, chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của đơn vị đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

**Mục 7**

**HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO VÀ NGƯỜI HỌC**

**Điều 24. Vi phạm quy định về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhà giáo**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không ký hợp đồng thỉnh giảng với nhà giáo thỉnh giảng theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Bố trí nhà giáo giảng dạy vượt quá số giờ chuẩn, thời gian giảng dạy, định mức giờ giảng theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền đối với hành vi sử dụng nhà giáo không đủ điều kiện, tiêu chuẩn giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và trình độ sơ cấp hoặc không phù hợp với ngành, nghề được đào tạo hoặc không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động, hợp đồng thỉnh giảng theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nhà giáo giảng dạy trình độ sơ cấp;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nhà giáo giảng dạy trình độ trung cấp;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nhà giáo giảng dạy trình độ cao đẳng.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng nhà giáo không đúng quy định về trình độ chuyên môn hoặc trình độ ngoại ngữ trong giảng dạy chương trình liên kết với nước ngoài hoặc giảng dạy chương trình tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội khi chưa được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Vi phạm quy định về chế độ hợp đồng lao động, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với nhà giáo làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc ký hợp đồng thỉnh giảng với nhà giáo thỉnh giảng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Buộc bố trí, sử dụng nhà giáo đủ điều kiện, tiêu chuẩn, đúng chuyên ngành được đào tạo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này;

c) Buộc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, hoàn trả cho người học các khoản tiền đã thu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; trường hợp không xác định được người học để hoàn trả thì nộp vào ngân sách nhà nước và chịu mọi chi phí hoàn trả.

**Điều 25. Vi phạm quy định về bảo đảm tỷ lệ giáo viên, giảng viên cơ hữu**

1. Phạt tiền đối với hành vi không bảo đảm tỷ lệ giáo viên, giảng viên cơ hữu theo từng ngành, nghề đào tạo theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với đào tạo trình độ sơ cấp;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với đào tạo trình độ trung cấp;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bố trí đủ nhà giáo cơ hữu giảng dạy theo từng ngành, nghề đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 26. Vi phạm quy định về bảo đảm tỷ lệ học sinh, sinh viên trên giáo viên, giảng viên**

1. Phạt tiền đối với hành vi không bảo đảm tỷ lệ học sinh, sinh viên trên giáo viên, giảng viên theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với vi phạm tỷ lệ từ 26 đến dưới 35 học sinh, sinh viên trên giáo viên, giảng viên;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với vi phạm tỷ lệ từ 35 đến dưới 50 học sinh, sinh viên trên giáo viên, giảng viên;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với vi phạm tỷ lệ từ 50 học sinh, sinh viên trên giáo viên, giảng viên trở lên.

2. Biện pháp xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bảo đảm tỷ lệ học sinh, sinh viên trên giáo viên, giảng viên theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 27. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp; vi phạm quy định về chính sách, đánh giá, xếp loại đối với nhà giáo**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về chính sách đối với nhà giáo.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đánh giá, xếp loại; xây dựng kế hoạch, đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; bố trí thời gian thực tập tại doanh nghiệp, cơ quan chuyên môn đối với giáo viên, giảng viên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xin lỗi công khai người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể có yêu cầu không xin lỗi công khai;

b) Buộc thực hiện đúng quy định về chính sách đối với nhà giáo; đánh giá xếp loại; tổ chức đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; bố trí thực tập tại doanh nghiệp cho giáo viên, giảng viên đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

**Điều 28. Vi phạm quy định về quản lý hồ sơ người học**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sửa chữa hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học;

b) Lập hồ sơ quản lý người học không đúng quy định;

c) Vi phạm quy định về lưu trữ, bảo quản hồ sơ của người học.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thu, giữ hồ sơ, giấy tờ của người học không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không quản lý đầy đủ hồ sơ, tài liệu người học là người nước ngoài theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc lập, lưu trữ, bảo quản hồ sơ người học đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;

c) Buộc trả lại hồ sơ, giấy tờ của người học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Buộc yêu cầu người học bổ sung hồ sơ, tài liệu còn thiếu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

**Điều 29. Vi phạm quy định về giao kết hợp đồng đào tạo**

1. Phạt tiền đối với hành vi không giao kết hợp đồng đào tạo hoặc giao kết hợp đồng đào tạo không đầy đủ nội dung theo quy định theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm dưới 10 người học;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 10 người đến dưới 50 người học;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 50 người đến dưới 100 người học;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 100 người đến dưới 200 người học;

đ) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 200 người học trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện giao kết hợp đồng đào tạo hoặc giao kết đúng, đầy đủ nội dung của hợp đồng đào tạo.

**Điều 30. Vi phạm quy định về kỷ luật người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học; vi phạm quy định về chính sách đối với người học**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kỷ luật người học không đúng quy định;

b) Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về chính sách đối với người học.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ quyết định kỷ luật và khôi phục quyền học tập của người học đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc xin lỗi công khai người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, trừ trường hợp người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể hoặc người đại diện hợp pháp của người học là người chưa thành niên có yêu cầu không xin lỗi công khai;

c) Buộc thực hiện đúng chính sách đối với người học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

**Mục 8**

**HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO, TÀI CHÍNH, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, ĐÁNH GIÁ CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA**

**Điều 31.** **Vi phạm quy định về điều kiện diện tích đất sử dụng tối thiểu, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo**

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không bố trí ký túc xá, thư viện, y tế, khu rèn luyện thể chất theo quy định.

2. Phạt tiền đối với hành vi không bảo đảm diện tích đất sử dụng tối thiểu đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm từ 5% đến dưới 10% diện tích đất sử dụng tối thiểu;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm từ 10% đến dưới 30% diện tích đất sử dụng tối thiểu;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm từ 30% đến dưới 50% diện tích đất sử dụng tối thiểu;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm từ 50% đến dưới 70% diện tích đất sử dụng tối thiểu;

đ) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm từ 70% đến 100% diện tích đất sử dụng tối thiểu.

3. Phạt tiền đối với hành vi không bố trí đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn bảo đảm diện tích bình quân đối với đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng theo quy định theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm diện tích bình quân ít nhất dưới 06 m2/người đối với trình độ trung cấp;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm diện tích bình quân ít nhất dưới 08 m2/người đối với trình độ cao đẳng.

4. Phạt tiền đối với hành vi không bảo đảm diện tích bình quân phòng học lý thuyết, phòng thực hành, xưởng, trạm, trại thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm đối với đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp theo quy định theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm diện tích bình quân ít nhất từ 4,5 m2/chỗ học đến dưới 5,5 m2/chỗ học đối với trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và từ 03 m2/chỗ học đến dưới 04 m2/chỗ học đối với trình độ sơ cấp;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm diện tích bình quân ít nhất từ 3,5 m2/chỗ học đến dưới 4,5 m2/chỗ học đối với trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và từ 02 m2/chỗ học đến dưới 03 m2/chỗ học đối với trình độ sơ cấp;

c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm diện tích bình quân ít nhất từ 2,5 m2/chỗ học đến dưới 3,5 m2/chỗ học đối với trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và từ 01 m2/chỗ học đến dưới 02 m2/chỗ học đối với trình độ sơ cấp;

d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm diện tích bình quân ít nhất từ 1,5 m2/chỗ học đến dưới 2,5 m2/chỗ học đối với trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và dưới 01 m2/chỗ học đối với trình độ sơ cấp;

đ) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm diện tích bình quân ít nhất dưới 1,5 m2/chỗ học đối với trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp.

5. Phạt tiền đối với hành vi không bảo đảm đủ thiết bị, dụng cụ đào tạo đối với từng ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không có đủ thiết bị, dụng cụ đào tạo tối thiểu ở mức dưới 20%;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không có đủ thiết bị, dụng cụ đào tạo tối thiểu ở mức từ 20% đến dưới 30%;

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không có đủ thiết bị, dụng cụ đào tạo tối thiểu ở mức từ 30% trở lên.

6. Phạt tiền đối với hành vi không bố trí đủ số lượng phòng thực hành, thực tập đào tạo đối với từng ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm từ 01 đến dưới 03 ngành, nghề;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm từ 03 đến dưới 05 ngành, nghề;

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm từ 05 ngành, nghề trở lên.

7. Biện pháp xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2, điểm d, điểm đ khoản 4, điểm c khoản 5 và điểm c khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc bổ sung đầy đủ điều kiện về diện tích đất sử dụng tối thiểu, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này.

**Điều 32. Vi phạm quy định về mua sắm, tiếp nhận, sử dụng sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học**

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi mua sắm, tiếp nhận, sử dụng giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học có nội dung phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, chủ quyền biên giới, biển và đảo, lợi ích cộng đồng và hòa bình, an ninh thế giới; xuyên tạc chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xuyên tạc lịch sử; kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược; ảnh hưởng xấu đến văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục; truyền bá mê tín, truyền bá tôn giáo, hủ tục, tệ nạn xã hội nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy bộ sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 33. Vi phạm quy định quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong cơ sở giáo dục nghiệp theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về quy trình vận động, tiếp nhận viện trợ;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng với hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng viện trợ.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại các khoản chi không đúng quy định từ nguồn vận động viện trợ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Trường hợp không xác định được tổ chức, cá nhân để trả lại thì nộp ngân sách nhà nước.

**Điều 34. Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, thu, chi tài chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp**

1. Vi phạm quy định về chi không đúng quy định đối với các khoản chi thực hiện kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước, quản lý, sử dụng tài sản công đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên được thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước.

2. Phạt tiền đối với hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản là máy móc, thiết bị, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản là máy móc, thiết bị, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100.000.000 đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, xe ô tô.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thu các khoản không đúng quy định của cấp có thẩm quyền;

b) Chi không đúng quy định của cấp có thẩm quyền đối với các khoản chi không thuộc ngân sách nhà nước.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu số tiền thu được do thực hiện hành vi vi phạm mà có nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này trong trường hợp không thể thực hiện được biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trả lại số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số tiền đã chi sai đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Buội khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban dầu của tài sản thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này.

**Điều 35. Vi phạm quy định về hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm của kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lại thẻ kiểm định viên theo quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp sai thông tin cá nhân để được tham gia đoàn đánh giá ngoài;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin sai về tiêu chuẩn, điều kiện để được cấp thẻ kiểm định viên;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cho người khác sử dụng hoặc sử dụng thẻ kiểm định viên của người khác;

đ) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin không đúng thực tế về kết quả kiểm định hoặc tự ý cung cấp các thông tin liên quan đến nội dung công việc và kết quả đánh giá của đoàn đánh giá ngoài khi chưa được phép của tổ chức kiểm định hoặc của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

e) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi làm sai lệch nội dung hồ sơ đánh giá ngoài;

g) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi làm sai lệch kết quả đánh giá ngoài của đoàn đánh giá ngoài.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi làm mất hoặc không nộp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm điều kiện hoạt động sau khi được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

3. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình giáo dục nghề nghiệp theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp không đúng trình tự, thủ tục theo quy định;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối hành vi cung cấp thông tin sai về điều kiện để được tiến hành kiểm định cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình giáo dục nghề nghiệp hoặc không công khai thông tin theo quy định; làm mất hoặc không nộp lại giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hoặc giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình giáo dục nghề nghiệp theo quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối hành vi không thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp từ 02 năm trở lên;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thực tế kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc chương trình giáo dục nghề nghiệp.

4. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thành lập đoàn đánh giá ngoài không đúng quy định;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đối với hành vi thông tin sai về kết quả kiểm định chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình giáo dục nghề nghiệp trên phương tiện thông tin đại chúng;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc chương trình giáo dục nghề nghiệp không đúng trình tự, thủ tục;

d) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi công nhận kết quả đánh giá và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp khi không đáp ứng đủ các điều kiện;

đ) Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung giấy tờ, tài liệu để đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi gian lận hồ sơ để được công nhận trường chất lượng cao.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp từ 01 tháng đến 03 tháng đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d, điểm đ, điểm e và điểm g khoản 1 Điều này;

c) Thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.

đ) Thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều này;

b) Buộc báo cáo đầy đủ, chính xác nội dung báo cáo kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

d) Buộc bảo đảm đủ các điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

đ) Buộc thực hiện việc tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều này;

e) Buộc quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

g) Buộc cải chính trên phương tiện thông tin đại chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

h) Buộc hủy bỏ kết quả công nhận đánh giá hoặc kết quả kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, trả lại cơ sở giáo dục nghề nghiệp số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều này.

i) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi kết quả công nhận trường chất lượng cao đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 5 Điều này.

**Điều 36. Vi phạm quy định về hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia**

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định của đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lại thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia theo quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo sai về tiêu chuẩn, điều kiện để được cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cho người khác sử dụng hoặc sử dụng thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia của người khác hoặc làm sai lệch hoặc xác nhận sai kết quả đánh giá kỹ năng nghề.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề nhưng không lưu trữ hoặc làm mất hồ sơ, tài liệu liên quan về kết quả đánh giá kỹ năng nghề quốc gia của người tham dự và không thực hiện báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia;

b) Làm mất hoặc không nộp lại giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện đánh giá kỹ năng nghề không bảo đảm theo quy trình, thủ tục.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đến 100.000.000 đồng đối với hành vi làm sai lệch kết quả đánh giá kỹ năng nghề quốc gia.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thu hồi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá kỹ năng nghề quốc gia và thu hồi, tiêu hủy giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

**Chương III**

**THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VÀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

**Điều 37. Thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp**

1. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, bao gồm:

a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các Điều 38, Điều 39 và Điều 40 Nghị định này;

b) Công chức Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; công chức chuyên trách quản lý giáo dục nghề nghiệp tại các bộ, cơ quan ngang bộ đang thi hành công vụ, nhiệm vụ;

c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc cơ quan Công an cấp tỉnh, Cục Quản lý xuất nhập cảnh đang thi hành công vụ, nhiệm vụ.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh quy định tại các Điều 38, Điều 39 và Điều 40 Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của tổ chức; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt cá nhân bằng một phần hai thẩm quyền xử phạt tổ chức.

**Điều 38. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thị trấn (cấp xã) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (cấp huyện) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 150.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cấp tỉnh) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa là 150.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

**Điều 39. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp**

1. Thanh tra viên và người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 2.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 150.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, e và i khoản 1 khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 105.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 210.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, e và i khoản 1 khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5 Nghị định này.

4. Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 150.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Thu hồi chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền cấp;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, e và i khoản 1 khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5 Nghị định này.

5. Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 150.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, e và i khoản 1 khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5 Nghị định này.

**Điều 40. Thẩm quyền xử phạt của Giám đốc Công an cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh**

1. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 150.000.000 đồng;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Quyết định áp dụng hình thức xử phạt trục xuất;

e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này, trừ biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa là 150.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Quyết định áp dụng hình thức xử phạt trục xuất;

e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này, trừ biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 41. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính**

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 27; khoản 1 Điều 30 Nghị định này;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; khoản 2, khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 6; khoản 2, điểm a, điểm b khoản 4 Điều 7; khoản 2 Điều 8; điểm a khoản 1 Điều 14; Điều 18; điểm a, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 20; Điều 32; Điều 33; khoản 2 Điều 34 Nghị định này;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này; điểm b và c khoản 4 Điều 6; điểm c khoản 4, khoản 5 và khoản 7 Điều 7; Điều 18; Điều 19; khoản 4, khoản 5 Điều 20; khoản 4, khoản 5 và khoản 6, điểm a, b, c và d khoản 7 Điều 22; Điều 24 và Điều 31 Nghị định này.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Giám đốc Công an cấp tỉnh và Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh:

a) Giám đốc Công an cấp tỉnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 17, khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 18; khoản 3 Điều 20; khoản 1 Điều 21; khoản 3 Điều 28 và Điều 32 Nghị định này;

b) Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6, Điều 9, Điều 18, Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Nghị định này.

3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra:

a) Thanh tra viên và người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp đang thi hành công vụ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 11; điểm a và b khoản 1 Điều 17 Nghị định này;

b) Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 6; khoản 1 và khoản 2 Điều 7; Điều 8; khoản 1 và khoản 2 Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; khoản 1 Điều 13; khoản 1, điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; khoản 1 Điều 19; khoản 1, khoản 2 Điều 20; Điều 21; khoản 1, khoản 2, khoản 3, điểm a và b khoản 7 Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28, Điều 29; Điều 30; khoản 1, điểm a, b, c, d và đ khoản 2, khoản 3, điểm a, b và c khoản 4, điểm a và b khoản 5, điểm a và b khoản 6 Điều 31; Điều 33; khoản 2 và khoản 3 Điều 34; khoản 1, khoản 2 và khoản 3, điểm a, b và c khoản 4 Điều 35; Điều 36 Nghị định này;

c) Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, điểm a, b, c và d khoản 7 Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 33; khoản 2 và khoản 3 Điều 34; Điều 35; Điều 36 Nghị định này.

4. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp:

a) Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm đ khoản 7; điểm a, b và c khoản 8 Điều 22; điểm b khoản 3 Điều này;

b) Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm đ khoản 7 và khoản 8 Điều 22; điểm b khoản 3 Điều này.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 42. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 79/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp để giải quyết.

**Điều 43. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng .... năm 2022 và thay thế Nghị định số 79/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

**Điều 44. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KGVX (3b). | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |